TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2019
V/v:"Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Tấn Thành

2. Ông Ngô Anh Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 551/2018/TLST- HNGĐ; ngày 23 tháng 11 năm 2018, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐ-HPT, ngày 25/02/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Văn V, sinh năm: 1976

Địa chỉ: số nhà 240, xóm A, thôn B, xã VT, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: bà Khấu Thị Bé C, sinh năm: 1991

Nơi cư trú cuối cùng: số nhà 240, xóm A, thôn B, xã VT, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Lê Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà C tự nguyện sống chung năm 2010, có đăng ký kết hôn hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2010, ngày 01/12/2010 tại Ủy ban nhân dân nhân dân xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn ông và bà C chung sống tại thôn B, xã VT. Trong quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông nghi ngờ sự chung thủy của bà C nên cuộc sống không hòa hợp. Từ tháng 9 năm 2013 bà C tự ý bỏ gia đình ra

đi, không khai báo tạm vắng, ông V đã tìm kiếm nhưng không có kết quả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Khấu Thị Bé C.

Về con chung: ông và bà Khấu Thị Bé Tư có 02 con chung là Lê Thị Huyền H, sinh ngày 07/01/2010; (Giới tính: nữ) và Lê Hoàng N, sinh ngày 25/4/2012; (Giới tính: nam).

Nguyện vọng ông trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung chưa thành niên cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Khấu Thị Bé C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203, 237, 239 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Lê Văn V, ông V được ly hôn bà Khấu Thị Bé C.

Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thị Huyền H, sinh ngày 07/01/2010; (Giới tính: nữ) và Lê Hoàng N, sinh ngày 25/4/2012; (Giới tính: nam) cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, ông V không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn bà Khấu Thị Bé C có nơi cư trú cuối cùng là số nhà 240, xóm A, thôn B, xã VT, huyện T, tỉnh Bình Thuận, vì vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Lê Văn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản, QĐXX, QĐ Hoãn phiên tòa hợp lệ, theo đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay bà C vẫn vắng mặt mà không có lý do, Hội đồng xét xử

(HĐXX) áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V HĐXX nhận thấy: ông V và bà C tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông nghi ngờ sự chung thủy của bà C nên cuộc sống không hòa hợp. Từ tháng 9 năm 2013 bà C tự ý bỏ gia đình ra đi, không khai báo tạm vắng, ông đã tìm kiếm nhưng không có kết quả. Ngày 08/02/2018 đã được Tòa án nhân huyện Tuy Phong ban hành Quyết định giải quyết Việc dân sự số 02/QĐST-VDS về việc: "Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú" và Quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Hôn nhân của ông V, bà C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trong cuộc sống giữa ông V, bà C đã thật sự trầm trọng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông V; ông V được ly hôn bà Khấu Thị Bé C, áp dụng khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận đơn yêu cầu của ông V.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Lê Thị Huyền H sinh ngày 07/01/2010; (Giới tính: nữ), và Lê Hoàng N, sinh ngày 25/4/2012; (Giới tính: nam).

Giao 02 con chung là Lê Thị Huyền H và Lê Hoàng N cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ông V không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Bà Khấu Thị Bé C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Ông Lê Văn V không được ngăn cản bà Khấu Thị Bé C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông V không yêu cầu nên HĐXX không xét quan hệ này.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát huyện Tuy Phong.

Đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn V về việc ly hôn đối với bà Khấu Thị Bé C.

Xét thấy, việc đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Văn V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Lê Văn V, ông V được ly hôn bà Khấu Thị Bé C.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thị Huyền H, sinh ngày 07/01/2010; (Giới tính: nữ) và Lê Hoàng N, sinh ngày 25/4/2012; (Giới tính: nam) cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, ông V không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Bà Khấu Thị Bé C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Ông Lê Văn V không được ngăn cản bà Khấu Thị Bé C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông V không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Lê Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Ông V đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019682, ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong; ông V đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của ông Lê Văn V là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/3/2019), và bà Khấu Thị Bé C là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND huyện Tuy Phong;*
- *Chi cục THADS huyện Tuy Phong;*
- *UBND xã Vĩnh Tân;*
- *Lưu.*